

## PHỤ LỤC XII

### MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG CẤP CƠ SỞ (6 THÁNG HOẶC CẢ NĂM)

(Kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

Đơn vị báo cáo: **Công ty TNHH Fujikura Fiber Optics Việt Nam**

Địa chỉ: Số 9 VSIP đường số 6, KCN Việt Nam – Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, Bình Dương

Mã huyện, quận:

	7	2	5
--	---	---	---

### BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG

Kỳ báo cáo 6 tháng, 2021

Ngày báo cáo: 02/07/2020

Thuộc loại hình cơ sở: Công ty trách nhiệm hữu hạn - Mã loại hình cơ sở:

	1	6	1
--	---	---	---

Lĩnh vực sản xuất chính của cơ sở: - Mã lĩnh vực: Sản xuất linh kiện cáp quang

2	6	3	0
---	---	---	---

Tổng số lao động của cơ sở: 1914 người, trong đó nữ: 1567 người

Tên chỉ tiêu thống kê	Mã số	Phân loại TNLD theo mức độ thương tật										
		Số vụ (Vụ)			Số người bị nạn (Người)							
		Tổng số	Số vụ có người chết	Số vụ có từ 2 người bị nạn trở lên	Tổng số		Số LĐ nữ		Số người chết		Số người bị thương nặng	
					Tổng số	Nạn nhân không thuộc quyền quản lý	Tổng số	Nạn nhân không thuộc quyền quản lý	Tổng số	Nạn nhân không thuộc quyền quản lý	Tổng số	Nạn nhân không thuộc quyền quản lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1. Tai nạn lao động (2 vụ tai nạn nhẹ ở nhà máy)		2	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0





### 1.1. Phân theo nguyên nhân xảy ra TNLD<sup>4</sup>

#### a. Do người sử dụng lao động

Không có thiết bị an toàn hoặc thiết bị không đảm bảo an toàn		1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0
Không có phương tiện bảo vệ cá nhân hoặc phương tiện bảo vệ cá nhân không tốt		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổ chức lao động chưa hợp lý		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Chưa huấn luyện hoặc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động chưa đầy đủ		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Không có quy trình an toàn hoặc biện pháp làm việc an toàn		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Điều kiện làm việc không tốt		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>b. Do người lao động</b>												
Vi phạm nội quy, quy trình, quy chuẩn, biện pháp làm việc an toàn		1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0
Không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>c. Khách quan khó tránh/ Nguyên nhân chưa kể đến</b>												
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>1. 2. Phân theo yếu tố gây chấn thương<sup>5</sup></b>		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

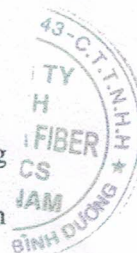
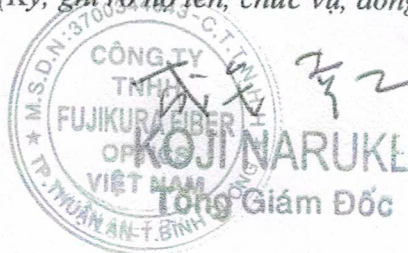
<b>1.3. Phân theo nghề nghiệp<sup>6</sup></b>												
Thợ lắp ráp và thợ vận hành máy móc (Mã cấp 2: 2)		2	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0
Nhân viên văn phòng (Mã cấp 2: 41)		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>2. Tai nạn được hưởng trợ cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Luật ATVSLĐ</b>		1	0	1	2	X	2	X	0	X	0	X
<b>3. Tổng số (3=1+2)</b>		3	0	1	4	0	4	0	0	0	0	0

## II. Thiệt hại do tai nạn lao động

Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động  (kể cả ngày nghỉ chế độ)	Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ)				Thiệt hại tài sản  (1.000 đ)
	Tổng số	Khoản chi cụ thể của cơ sở			
		Y tế	Trả lương thời gian điều trị	Bồi thường /Trợ cấp	
1	2	3	4	5	6
0	0	0	0	0	0

## ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) *phư*



<sup>1</sup> Ghi mã số theo Danh mục đơn vị hành chính do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

<sup>2</sup> Ghi tên, mã số theo danh mục và mã số các đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành trong báo cáo thống kê.

<sup>3</sup> Ghi tên ngành, mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

<sup>4</sup> Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động.

<sup>5</sup> Ghi tên và mã số theo danh mục yếu tố gây chấn thương.

<sup>6</sup> Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.